TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2022/KDTM-ST
Ngày: 23-12-2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên.

2. Ông Đặng Văn Ẩn.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Thúy – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- ***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh*** *tham gia phiên tòa*: Bà Phan Mỹ Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2021/TLST-KDTM ngày 01/02/2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 542/2022/QĐXXST-KDTM ngày 10/11/2022; Thông Thông báo về việc dời ngày mở phiên tòa xét xử sơ thẩm ngày 05/12/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam**

Trụ sở: Phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp: Ông Ma Khắc K hoặc ông Trần Văn B. Địa chỉ: Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (giấy ủy quyền ngày 01/8/2022) (ông Biên có mặt).

2. Bị đơn: **Công ty TNHH Một thành viên.**

Địa chỉ: Xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Anh T – Chức vụ: Giám đốc. (ông Tài vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Nơi cư trú: Xã Hòa An, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Lê Anh T**, sinh năm: 1986.

Nơi cư trú: Xã Hòa An, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. (ông Tài vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản không hòa giải được - nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần có người đại diện hợp pháp là ông Trần Văn B trình bày:

Công ty TNHH Một thành viên đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP– Chi Nhánh Sài Gòn – PGD Tân Bình theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: 171017-3860599-01-SME ngày 18/10/2017; Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 18/10/2017 và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế không có tài sản đảm bảo ngày 11/08/2017 với các nội dung tóm tắt như sau:

- Khế ước nhận nợ: Lần 05 số: 010218-3860599-01-SME ngày 01/02/2018. Số tiền vay: 48.969.000 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng. Lãi suất/năm: Tại thời điểm giải ngân là 25,8%/năm điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày giải ngân: 01/02/2018. Ngày đến hạn: 01/02/2019. Mục đích vay: Thanh toán hợp đồng kinh tế số 01-2018/HĐKT ngày 01/02/2018 của cửa hàng Thanh Duy, người thụ hưởng ông Nguyễn Văn Đ.

- Khế ước nhận nợ: Lần 07 số: 050418-3860599-01-SME ngày 05/04/2018. Số tiền vay: 57.475.000 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng. Lãi suất/năm: Tại thời điểm giải ngân là 25,3%/năm điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày giải ngân: 05/04/2018. Ngày đến hạn: 05/04/2019. Mục đích vay: Thanh toán hợp đồng kinh tế số 03/2018/HĐKT của ông Nguyễn Văn Đ và Công ty TNHH Một thành viên.

- Khế ước nhận nợ: Lần 08 số: 270418-3860599-01-SME ngày 27/04/2018. Số tiền vay: 62.000.000 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng. Lãi suất/năm: Tại thời điểm giải ngân là 25,3%/năm điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày giải ngân: 27/4/2018. Ngày đến hạn: 27/4/2019. Mục đích vay: Thanh toán hợp đồng kinh tế số 04/2018/HĐKT ngày 26/4/2018 của ông Nguyễn Văn Đ và Công ty TNHH Một thành viên.

- Khế ước nhận nợ: Lần 09 số: 290518-3860599-01-SME ngày 29/05/2018. Số tiền vay: 67.200.000 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng. Lãi suất/năm: Tại thời điểm giải ngân là 26,3%/năm điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày giải ngân: 29/5/2018. Ngày đến hạn: 29/5/2019. Mục đích vay: Thanh toán hợp đồng kinh tế số 05/2018/HĐKT ngày 28/5/2018 của ông Nguyễn Văn Đ và Công ty TNHH Một thành viên.

- Khế ước nhận nợ: Lần 10 số: 020718-3860599-01-SME ngày 02/07/2018. Số tiền vay: 73.625.000 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng. Lãi suất/năm: Tại thời điểm giải ngân là 27,4%/năm điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày giải ngân: 02/7/2018. Ngày đến hạn: 02/7/2019. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất gia công và bán buôn giày dép, gót, đế.

- Khế ước nhận nợ: Lần 12 số: 070918-3860599-01-SME ngày 07/09/2018. Số tiền vay: 70.004.880 đồng. Thời hạn vay: 11 tháng. Lãi suất/năm: Tại thời điểm

giải ngân là 29,4%/năm điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày giải ngân: 07/9/2018. Ngày đến hạn: 07/8/2019. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất gia công và bán buôn giày dép, gót, đế.

- Khế ước nhận nợ: Lần 13 số: 051018-3860599-01-SME ngày 05/10/2018. Số tiền vay: 80.033.800 đồng. Thời hạn vay: 11 tháng. Lãi suất/năm: Tại thời điểm giải ngân là 29,7%/năm điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày giải ngân: 05/10/2018. Ngày đến hạn: 07/8/2019. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất gia công và bán buôn giày dép, gót, đế.

- Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế không có tài sản đảm bảo ngày 11/08/2017. Số tiền vay: 50.000.000 đồng. Thời hạn vay: 60 tháng. Ngày giải ngân: 11/8/2017. Ngày đến hạn: 11/8/2022. Mục đích vay: Chi tiêu, thanh toán hàng hóa, dịch vụ doanh nghiệp.

Tổng cộng số tiền vay 509.307.680 đồng.

Khoản vay này được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Lê Anh T theo Hợp đồng bảo lãnh số: 171017-3860599-01-SME/HĐBL ngày 18/10/2017.

Công ty TNHH Một thành viên đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP tổng cộng số tiền là 385.111.535 đ. Trong đó trả nợ gốc là 297.443.996 đ, trả nợ lãi là 87.667.539đ. Cụ thể:

Theo khế ước nhận nợ lần 05 số: 010218-3860599-01-SME ngày 01/02/2018 thì Công ty TNHH Một thành viên đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP tổng cộng số tiền là 54.608.130 đồng. Trong đó, trả nợ gốc là 45.100.000 đồng, trả nợ lãi là 9.508.130 đồng.

Theo khế ước nhận nợ lần 07 số: 050418-3860599-01-SME ngày 05/04/2018 thì Công ty TNHH Một thành viên đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP tổng cộng số tiền là 55.400.371 đồng. Trong đó, trả nợ gốc là 43.200.000 đồng, trả nợ lãi là 12.200.371 đồng.

Theo khế ước nhận nợ lần 08 số: 270418-3860599-01-SME ngày 27/04/2018 thì Công ty TNHH Một thành viên đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP tổng cộng số tiền là 52.963.242 đồng. Trong đó, trả nợ gốc là 41.600.000 đồng, trả nợ lãi là 11.363.242 đồng.

Theo khế ước nhận nợ lần 09 số: 290518-3860599-01-SME ngày 29/05/2018 thì Công ty TNHH Một thành viên đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP tổng cộng số tiền là 50.832.968 đồng. Trong đó, trả nợ gốc là 39.200.000 đồng, trả nợ lãi là 11.632.968 đồng.

Theo khế ước nhận nợ lần 10 số: 020718-3860599-01-SME ngày 02/07/2018 thì Công ty TNHH Một thành viên đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP tổng cộng số tiền là 59.574.234 đồng. Trong đó, trả nợ gốc là 44.443.996 đồng, trả nợ lãi là 15.130.238 đồng.

Theo khế ước nhận nợ lần 12 số: 070918-3860599-01-SME ngày 07/09/2018 thì Công ty TNHH Một thành viên đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP tổng cộng

số tiền là 45.692.746 đồng. Trong đó, trả nợ gốc là 32.000.000 đồng, trả nợ lãi là 13.692.746 đồng.

Theo khế ước nhận nợ lần 13 số: 051018-3860599-01-SME ngày 05/10/2018 thì Công ty TNHH Một thành viên đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP tổng cộng số tiền là 66.039.844 đồng. Trong đó, trả nợ gốc là 51.900.000 đồng, trả nợ lãi là 14.139.844 đồng.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty TNHH Một thành viên đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng TMCP đã nhiều lần liên hệ và làm việc. Công ty TNHH Một thành viên đề yêu cầu hoàn trả nợ vay nhưng Công ty TNHH Một thành viên cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Nay Ngân hàng TMCP yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Công ty TNHH Một thành viên phải trả ngay một lần cho Ngân hàng TMCP tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 23/12/2022 là:

Nợ gốc: 157.063.684 đồng.
Nợ lãi : 325.616.301 đồng.
Nợ gốc thẻ: 49.995.527 đồng.
Nợ lãi thẻ: 116.161.959 đồng.
Tổng cộng: 648.837.471 đồng.

Ngoài ra, Công ty TNHH Một thành viên vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng TMCP.

2/ Trường hợp Công ty TNHH Một thành viên không có khả năng thanh toán theo yêu cầu nêu trên, bên bảo lãnh là ông Lê Anh T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo các Hợp đồng bảo lãnh số: 171017-3860599-01-SME/HĐBL ngày 18/10/2017 đã ký.

Bị đơn Công ty TNHH Một thành viên có người đại diện theo pháp luật là ông Lê Anh T, đồng thời ông Lê Anh T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin giải quyết vắng mặt, có ý kiến trình bày trong bản tự khai ngày 04/10/2022 như sau:

Ông có đứng tên đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Một thành viên và có vay vốn của Ngân hàng TMCP với số tiền mấy trăm triệu nhưng ông không nhớ rõ, cho đến nay chưa trả số tiền này cho Ngân hàng. Ông có ký nhiều hợp đồng vay nhưng không nhớ rõ cụ thể, ông có ký hợp đồng bảo lãnh đối với khoản nợ của Công ty TNHH Một thành viên nhưng cho đến nay ông cũng chưa trả tiền cho Ngân hàng TMCP, ông thừa nhận có ký tên các hợp đồng vay, hợp đồng bảo lãnh, khế ước nhận nợ, Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế do Ngân hàng TMCP cung cấp là chữ ký của ông.

Trước yêu cầu của Ngân hàng TMCP thì ông với tư cách đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Một thành viên đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông có ý kiến là xin trả dần, mỗi tháng là 3.000.000 (ba triệu) đồng cho

đến khi hết số nợ gốc, số tiền lãi thì xin Ngân hàng TMCP bớt tiền lãi cho ông vì hoàn cảnh của ông khó khăn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần đối với bị đơn Công ty TNHH Một thành viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn Công ty TNHH Một thành viên có địa chỉ tại huyện Bình Chánh nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Bị đơn Công ty TNHH Một thành viên có người đại diện theo pháp luật là ông Lê Anh T, ông Tài đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng vẫn xét xử vụ án.

[3] Về thời hiệu khởi kiện của vụ án: Do không có đương sự nào đề nghị áp dụng thời hiệu, căn cứ quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không xem xét về thời hiệu đối với vụ kiện này.

[4] Về áp dụng pháp luật: Do hợp đồng dân sự của các bên đương sự thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[5] Xét thấy các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp mà bị đơn không có phản đối do đó căn cứ theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì nguyên đơn không cần phải chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải chứng minh sự phản đối đó là có căn cứ và phải đưa ra chứng cứ để chứng minh. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đầy đủ chứng cứ thì phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được hoặc chứng minh không đầy đủ đó.

[6] Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để xét xử vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật. Theo lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Văn B trình bày:

Công ty TNHH Một thành viên đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP– Chi Nhánh Sài Gòn – PGD Tân Bình theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: 171017-3860599-01-SME ngày 18/10/2017; Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 18/10/2017 và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế không có tài sản đảm bảo ngày 11/08/2017 với các Khế ước nhận nợ: Lần 05 số: 010218-3860599-01-SME ngày 01/02/2018. Số tiền vay: 48.969.000 đồng. Khế ước nhận nợ: Lần 07 số: 050418-3860599-01-SME ngày 05/04/2018. Số tiền vay: 57.475.000 đồng. Khế ước nhận nợ: Lần 08 số: 270418-3860599-01-SME ngày 27/04/2018. Số tiền vay: 62.000.000 đồng. Khế ước nhận nợ: Lần 09 số: 290518-3860599-01-SME ngày 29/05/2018. Số tiền vay: 67.200.000 đồng. Khế ước nhận nợ: Lần 10 số: 020718-3860599-01-SME ngày 02/07/2018. Số tiền vay: 73.625.000 đồng. Khế ước nhận nợ: Lần 12 số: 070918-3860599-01-SME ngày 07/09/2018. Số tiền vay: 70.004.880 đồng. Khế ước nhận nợ: Lần 13 số: 051018-3860599-01-SME ngày 05/10/2018. Số tiền vay: 80.033.800 đồng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm. Số tiền vay: 50.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền vay 509.307.680 đồng.

Khoản vay này được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Lê Anh T theo Hợp đồng bảo lãnh số: 171017-3860599-01-SME/HĐBL ngày 18/10/2017.

Công ty TNHH Một thành viên đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP tổng cộng số tiền là 385.111.535 đồng. Trong đó trả nợ gốc là 297.443.996 đồng, trả nợ lãi là 87.667.539 đồng.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty TNHH Một thành viên đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng TMCP đã nhiều lần liên hệ và làm việc Công ty TNHH Một thành viên để yêu cầu hoàn trả nợ vay nhưng Công ty TNHH Một thành viên cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Nay Ngân hàng TMCP yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Công ty TNHH Một thành viên phải trả ngay một lần cho Ngân hàng TMCP tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 23/12/2022 là:

Nợ gốc: 157.063.684 đồng.
Nợ lãi : 325.616.301 đồng.
Nợ gốc thẻ: 49.995.527 đồng.
Nợ lãi thẻ : 116.161.959 đồng.
Tổng cộng: 648.837.471 (sáu trăm bốn mươi tám triệu, tám trăm ba mươi bảy nghìn, bốn trăm bảy mươi mốt) đồng.

Ngoài ra, Công ty TNHH Một thành viên vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng TMCP.

2/ Trường hợp Công ty TNHH Một thành viên không có khả năng thanh toán theo yêu cầu nêu trên, bên bảo lãnh là ông Lê Anh T có trách nhiệm thanh toán

toàn bộ khoản vay nêu trên theo các Hợp đồng bảo lãnh số: 171017-3860599-01-SME/HĐBL ngày 18/10/2017 đã ký.

[7] Căn cứ vào Hợp đồng cho vay hạn mức mà Công ty TNHH Một thành viên đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP– Chi Nhánh Sài Gòn – PGD Tân Bình theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: 171017-3860599-01-SME ngày 18/10/2017; Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 18/10/2017 và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế không có tài sản đảm bảo ngày 11/08/2017 với các Khế ước nhận nợ: Lần 05 số: 010218-3860599-01-SME ngày 01/02/2018. Số tiền vay: 48.969.000 đồng; Khế ước nhận nợ: Lần 07 số: 050418-3860599-01-SME ngày 05/04/2018. Số tiền vay: 57.475.000 đồng; Khế ước nhận nợ: Lần 08 số: 270418-3860599-01-SME ngày 27/04/2018. Số tiền vay: 62.000.000 đồng; Khế ước nhận nợ: Lần 09 số: 290518-3860599-01-SME ngày 29/05/2018. Số tiền vay: 67.200.000 đồng; Khế ước nhận nợ: Lần 10 số: 020718-3860599-01-SME ngày 02/07/2018. Số tiền vay: 73.625.000 đồng; Khế ước nhận nợ: Lần 12 số: 070918-3860599-01-SME ngày 07/09/2018. Số tiền vay: 70.004.880 đồng; Khế ước nhận nợ: Lần 13 số: 051018-3860599-01-SME ngày 05/10/2018. Số tiền vay: 80.033.800 đồng. Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm. Số tiền vay: 50.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền vay 509.307.680 đồng.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty TNHH Một thành viên đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng TMCP đã nhiều lần liên hệ và làm việc với Công ty TNHH Một thành viên để yêu cầu hoàn trả nợ vay nhưng Công ty TNHH Một thành viên cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Nay, Ngân hàng yêu cầu: Buộc Công ty TNHH Một thành viên phải trả ngay một lần cho Ngân hàng TMCP tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến hết ngày 23/12/2022 là 648.837.471 (sáu trăm bốn mươi tám triệu, tám trăm ba mươi bảy nghìn, bốn trăm bảy mươi mốt) đồng, trong đó Nợ gốc: 157.063.684 đồng, nợ lãi: 325.616.301 đồng, nợ gốc thẻ: 49.995.527 đồng, nợ lãi thẻ: 116.161.959 đồng.

Căn cứ vào Hợp đồng cho vay hạn mức và phụ lục hợp đồng số 01, 07 Khế ước nhận nợ và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế không có tài sản đảm bảo ngày 11/08/2017 nêu trên thì lãi suất trong hạn các bên thỏa thuận tùy thuộc vào từng hợp đồng, lãi suất ban đầu giao động từ 25,3%/năm -29,7%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất cho vay được cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Mức lãi suất này phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Căn cứ vào các điều khoản và điều kiện hợp đồng cho vay giữa Công ty TNHH Một thành viên với Ngân hàng thương mại cổ phần và căn cứ vào các quy định tại Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đối chiếu quy định như trên thì yêu cầu của Ngân hàng TMCP buộc Công ty TNHH Một thành viên phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 23/12/2022 là 648.837.471 đồng, trong đó Nợ gốc: 157.063.684 đồng, nợ lãi: 325.616.301 đồng,

nợ gốc thẻ: 49.995.527 đồng, nợ lãi thẻ: 116.161.959 đồng, Công ty TNHH Một thành viên có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 24/12/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng, là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[9] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty TNHH Một thành viên phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 23/12/2022 là 648.837.471 (sáu trăm bốn mươi tám triệu, tám trăm ba mươi bảy nghìn, bốn trăm bảy mươi mốt) đồng, trong đó nợ gốc: 157.063.684 (một trăm năm mươi bảy triệu, không trăm sáu mươi ba nghìn, sáu trăm tám mươi bốn) đồng, nợ lãi: 325.616.301 (ba trăm hai mươi lăm triệu, sáu trăm mười sáu nghìn, ba trăm linh một) đồng, nợ gốc thẻ: 49.995.527 (bốn mươi chín triệu, chín trăm chín mươi lăm nghìn, năm trăm hai mươi bảy) đồng, nợ lãi thẻ: 116.161.959 (một trăm mười sáu triệu, một trăm sáu mươi mốt nghìn, chín trăm năm mươi chín) đồng.

[10] Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 có quy định "Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật". Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc Công ty TNHH Một thành viên tiếp tục chịu lãi phát sinh sau khi xét xử là có cơ sở chấp nhận.

[11] Khoản cấp tín dụng cấp cho Công ty TNHH Một thành viên không thực hiện biện pháp bảo đảm bằng thế chấp tài sản, không có đăng ký giao dịch bảo đảm. Khoản tín dụng cấp cho Công ty TNHH Một thành viên được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Lê Anh T theo Hợp đồng bảo lãnh số: 171017-3860599-01-SME/HĐBL ngày 18/10/2017, theo đó bên bảo lãnh là ông Lê Anh T đã đồng ý ký Hợp đồng bảo lãnh để bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán mà bên được bảo lãnh là Công ty TNHH Một thành viên phải trả cho bên nhận bảo lãnh là Ngân hàng TMCP theo hợp đồng cho vay, ông Lê Anh T bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ được hiểu bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, chi phí xử lý tài sản thế chấp và tất cả các nghĩa vụ của bên được bảo lãnh đối với bên Ngân hàng phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức số 171017-3860599-01-SME ngày 18/10/2017 và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa bên được bảo lãnh với bên Ngân hàng.

Do đó, hiện nay Công ty TNHH Một thành viên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền vay, bên Ngân hàng yêu cầu ông Lê Anh T có trách nhiệm thay Công ty TNHH Một thành viên thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên được bảo lãnh đối với Ngân hàng trong trường hợp Công ty TNHH Một thành viên không thanh toán đầy đủ dư nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng TMCP là phù hợp với Điều 1 của Hợp đồng bảo lãnh và Điều 335, 336 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[13] Ý kiến của ông Lê Anh T xin trả dần, mỗi tháng là 3.000.000 (ba triệu) đồng cho đến khi hết số nợ gốc, số tiền lãi thì xin Ngân hàng TMCP bớt tiền lãi cho ông vì hoàn cảnh của ông khó khăn. Nhưng phía đại diện Ngân hàng TMCP không đồng ý nên không được chấp nhận.

[14] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn Công ty TNHH Một thành viên phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch: 20.000.000 đồng + 4% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng là: 29.953.499 (hai mươi chín triệu, chín trăm năm mươi ba nghìn, bốn trăm chín mươi chín) đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.755.661 (chín triệu, bảy trăm năm mươi lăm nghìn, sáu trăm sáu mươi mốt) đồng, theo biên lai số AA/2019/0080902 ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều: 30, 35, 39, 91, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều: 335, 336, 339, 340, 357, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần đối với bị đơn Công ty TNHH Một thành viên về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

1.1. Buộc bị đơn Công ty TNHH Một thành viên có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần tổng cộng là 648.837.471 (sáu trăm bốn mươi tám triệu, tám trăm ba mươi bảy nghìn, bốn trăm bảy mươi mốt) đồng, trong đó nợ gốc: 157.063.684 (một trăm năm mươi bảy triệu, không trăm sáu mươi ba nghìn, sáu trăm tám mươi bốn) đồng, nợ lãi: 325.616.301 (ba trăm hai mươi lăm triệu, sáu trăm mười sáu nghìn, ba trăm linh một) đồng, nợ gốc thẻ: 49.995.527 (bốn mươi chín triệu, chín trăm chín mươi lăm nghìn, năm trăm hai

mươi bảy) đồng, nợ lãi thẻ: 116.161.959 (một trăm mười sáu triệu, một trăm sáu mươi mốt nghìn, chín trăm năm mươi chín) đồng.

Các bên đương sự thực hiện việc giao nhận tiền tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty TNHH Một thành viên còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

1.2. Trường hợp Công ty TNHH Một thành viên không thanh toán đầy đủ dư nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng thương mại cổ phần thì ông Lê Anh T có trách nhiệm thanh toán nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần theo Hợp đồng bảo lãnh số: 171017-3860599-01-SME/HĐBL ngày 18/10/2017.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn Công ty TNHH Một thành viên phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại là: 29.953.499 (hai mươi chín triệu, chín trăm năm mươi ba nghìn, bốn trăm chín mươi chín) đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.755.661 (chín triệu, bảy trăm năm mươi lăm nghìn, sáu trăm sáu mươi mốt) đồng, theo biên lai số AA/2019/0080902 ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

Phạm Thị Kim Định